TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V H** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ – ST.
Ngày: 19 tháng 4 năm 2018.
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V H, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Quang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Mùi Văn Huấn.
2. Ông Tráng Á Lứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Vinh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V H, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V H *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Trọng Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V H, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2017/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc Xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/ QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị L**. Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Bản B, xã Q M, huyện V H, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Vì Văn T**. Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Bản B, xã Q M, huyện V H, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Các đương sự đều tạm trú: Bản C B, xã M T, huyện V H, tỉnh Sơn La.

Người có QLNVLQ: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh M C, Phòng Giao dịch T N, do ông Trần Huy T , Giám đốc là đại diện. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, chị Lường Thị L: Chị và anh Vì Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã M T, huyện V H, tỉnh Sơn La. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, anh T thường xuyên sa đà, rượu chè, cờ bạc không quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình. Anh T vay nợ nhiều người không có khả năng trả nợ. Mặc dù đã khuyên can, đồng viên nhiều, nhưng anh T không thay đổi, thường bỏ nhà trốn nợ. Cuộc sống chung của vợ chồng không được cải thiện, chị và anh T đã ly thân được hai năm. Nay tình cảm đã thật sự không còn, không thể hàn gắn được nữa. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn anh T.

- *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị sinh được một con chung: Cháu Vì Thị C L, sinh ngày 16/10/2009. Hiện cháu L đang được chị L chăm sóc, giáo dục. Nếu ly hôn, chị đề nghị được quyền nuôi cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Anh chị có một số tài sản gồm: 01 xe máy Honda Wave, BKS 26G1 – 034.00, đăng ký mang tên Vì Văn T; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 tivi hiệu Sony ; 01 mảnh đất rộng 2.930m^2 có dựng 01 ngôi nhà gỗ một gian, lợp tôn mua của ông Hà Văn T với giá 90.000.000 đồng; ngoài ra không còn tài sản gì đáng giá. Anh Vì Văn T hiện đang không có mặt tại phiên tòa. Do vậy, đề nghị HĐXX xem xét tạm giao T bộ số tài sản trên cho chị quản lý. Anh T có thể khởi kiện việc chia tài sản chung trong vụ án khác.

- *Về nợ chung:* Anh chị có vay Ngân hàng NNPTNN chi nhánh M C, Phòng Giao dịch T N số tiền tính đến ngày 19/4/2018 cả gốc và lãi là 86.444.297 đồng. Số nợ này chị vẫn trả theo định kỳ bằng lương tháng, đề nghị HĐXX xem xét cho chị tiếp tục trả khoản nợ chung trên đây.

Cuối cùng, nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét cho chị được ly hôn anh Vì Văn T, được nuôi con chung, được tạm quản lý tài sản chung và trả nợ chung.

- Bị đơn, anh Vì Văn T mặc dù không thông báo vắng mặt tại địa phương, đã được Tòa án nhiều lần triệu tập và tiến hành các thủ tục cần thiết. Nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng NNPTNT M C, Phòng Giao dịch T N cho rằng chị Lường Thị L đứng tên vay Ngân hàng, theo hợp đồng vay thì anh Vì Văn T ký tên là người thừa kế. Chị Lường Thị L là người trả lãi định kỳ từ khoản lương hàng tháng. Nay chị Lường Thị L xin ly hôn, nhất trí với việc đề nghị của chị L được tiếp tục trả nợ chung đối với Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 19/4/2018 là 86.444.297 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V H phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng trong thụ lý, giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Xét thấy, vợ chồng chị L và anh T ly thân đã lâu, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, tình cảm không còn, đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện, xử cho chị L được ly hôn anh T, được nuôi con chung, tiếp tục trả nợ chung và chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lường Thị L và anh Vì Văn T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vì bất đồng quan điểm, không cùng nhau chăm lo xây dựng gia đình, nuôi dạy con. Anh T ăn chơi sa đà, cờ bạc, nợ nần chồng chất, bỏ bê công việc gia đình. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lường Thị L.

[2] *Về con chung:* Anh T thường xuyên bỏ nhà, không quan tâm chăm sóc vợ con. Do đó, chấp nhận đề nghị của chị L được quyền tiếp tục nuôi cháu Vì Thị C L, sinh ngày 16/10/2009 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[3] *Về tài sản chung:* Do anh T không có mặt tại phiên tòa, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, HĐXX xét thấy cần tiếp tục tạm giao T bộ tài sản gồm: 01 xe máy Honda Wave, BKS 26G1 – 034.00, đăng ký mang tên Vì Văn T; 01 tủ lạnh

hiệu Sanyo; 01 tivi hiệu Sony ; 01 mảnh đất rộng 2.930m^2 có dựng 01 ngôi nhà gỗ một gian, lợp tôn cho chị L quản lý. Nếu anh T có tranh chấp về tài sản, có thể khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

[4] *Về nợ chung:* Chị L là người đứng tên vay vốn Ngân hàng và thực hiện trả nợ chung theo định kỳ. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị Lường Thị L và Ngân hàng NNPTNT, chị L được tiếp tục trả nợ chung đối với Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi là 86.444.297 (Tám mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn, hai trăm chín bảy) đồng.

[5] *Về án phí:* Nguyên đơn, chị Lường Thị L khởi kiện phải chịu án phí lý hôn, không phải chịu án phí giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 4 điều 147 BLTTDS, khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 57; điều 58; khoản 1 điều 60, khoản 1, 2 điều 81; khoản 1,3 điều 82; điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 25, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị L được ly hôn anh Vì Văn T.

Về con chung: Giao cháu Vì Thị C L, sinh ngày 16/10/2009 cho chị Lường Thị L chăm sóc giáo dục, đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Vì Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L, nhưng có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Tạm giao T bộ tài sản gồm: 01 xe máy Honda Wave, BKS 26G1 – 034.00, đăng ký mang tên Vì Văn T; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 tivi hiệu Sony; 01 mảnh đất rộng 2.930m^2 có dựng 01 ngôi nhà gỗ một gian, lợp tôn cho chị Lường Thị L quản lý. Trong thời gian anh T chưa có mặt để giải quyết về tài sản,

chị L không được thực hiện giao dịch mua bán, chuyển nhượng những tài sản trên. Anh T có thể khởi kiện việc chia tài sản chung trong vụ án dân sự khác.

Về nợ chung: Chị Lường Thị L tiếp tục trả nợ chung đối với Ngân hàng NNPTNT chi nhánh M C, Phòng giao dịch T N số tiền cả gốc và lãi là 86.444.297 (Tám mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn, hai trăm chín bảy) đồng.

Về án phí: Chị Lường Thị L chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào dự phí xin ly hôn là 300.000 đồng đã nộp, tại biên lai thu tạm ứng án phí số 04331 ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V H.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có QLNVLQ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày T án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án niêm yết công khai bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS V H;
- THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đăng Quang

Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán - chủ tọa	Hội thẩm nhân dân
Tráng A Lứ	**Nguyễn Đăng Quang**	**Mùi Văn Huấn**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn T theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có

số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm T án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập L của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập L về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc T bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại

Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau: